

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 22-3-2023.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Phạm Kiên Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Nguyễn Văn P, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống từ tháng 7 năm 2016, nhưng đến ngày 06/3/2018 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị L và anh P chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị L và anh P sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị L và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Hà A, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2017. Hiện nay cháu Hà A đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hà A cho đến khi cháu Hà A thành niên, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị L và anh P không có tài sản chung và nợ chung, nên chị L không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị L tự nguyện chung sống từ tháng 7 năm 2016, nhưng đến ngày 06/3/2018 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh P và chị L chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh P và chị L sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Anh P thống nhất ly hôn với chị L.

- Về con chung: trong thời gian chung sống anh P và chị L có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Hà A, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2017. Hiện nay cháu Hà A đang sống chung với chị L. Anh P thống nhất cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hà A cho đến khi cháu Hà A thành niên, anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh P và chị L không có tài sản chung và nợ chung, nên anh P không yêu cầu giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L. Về hôn nhân: xử cho chị L được ly hôn với anh P; về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Hà A, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2017 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hà A thành niên, do chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh P không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2022 của nguyên đơn chị Lê Thị L thì chị L kiện anh Nguyễn Văn P là bị đơn cư trú tại ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Chị Lê Thị L là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[1.4] Anh Nguyễn Văn P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị L và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị L và anh P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh P chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị L và anh P không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị L và anh P không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị L yêu cầu được ly hôn, anh P cũng thống nhất ly hôn với chị L.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh P là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh P cũng thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn P có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Hà A, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2017. Từ khi chị L và anh P sống ly thân cho đến nay chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà A. Chị L và anh P cùng thống nhất cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu

Hà A cho đến khi cháu Hà A thành niên; chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn P đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, việc thỏa thuận này cũng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Hà A, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Hà A cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hà A thành niên. Do chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh P, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn P không có tài sản chung. Chị L và anh P không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn P không có nợ chung. Chị L và anh P không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004968 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn P không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.
2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Lê Hà A, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2017 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hà A thành niên. Anh Nguyễn Văn P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh P, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn P không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004968 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn P không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn P không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo